HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ

VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH VÀ BẮC AI LEN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC

TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

VÀ LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH VÀ BẮC AILEN

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào lợi tức từ chuyển nhượng tài sản;

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú tại một hoặc tại cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết đánh vào thu nhập và lợi tức từ chuyển nhượng tài sản, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả cũng như các khoản thuế đánh vào trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập và lợi tức từ chuyển nhượng tài sản.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế lợi tức;

(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(iv) thuế đối với nhà thầu phụ nước ngoài trong ngành dầu khí;

(v) thuế đối với nhà thầu nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Vương quốc Liên hiệp Anh:

(i) thuế thu nhập;

(ii) thuế công ty; và

(iii) thuế lợi tức từ chuyển nhượng tài sản;

(dưới đây được gọi là "thuế Vương quốc Liên hiệp Anh").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên do từng Nước ký kết ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi căn bản trong luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi một sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" để chỉ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp quốc tế, Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Vương quốc Liên hiệp Anh " có nghĩa là Anh và Bắc Ai len, bao gồm mọi vùng lãnh hải của Vương quốc Liên hiệp Anh mà theo luật pháp quốc tế hiện là hay sau này được chỉ định, là vùng trên đó Vương quốc Liên hiệp Anh có thể thực hiện các quyền đối với đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại vùng đó;

c. thuật ngữ " Nước ký kết " và " Nước ký kết kia " có nghĩa là Việt nam hay Vương quốc Liên hiệp Anh tùy theo ngữ cảnh;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty và bất kỳ một tổ chức nào, nhưng không bao gồm tổ chức hùn vốn;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ một tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết " và " xí nghiệp của Nước ký kết kia" có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch của một nước" có nghĩa:

(i) đối với Việt nam, là bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch Việt nam và bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Việt nam;

(ii) đối với Vương quốc Liên hiệp Anh, là bất kỳ công dân Anh nào, hay bất kỳ người Anh nào không mang quốc tịch của bất cứ một nước hay lãnh thổ nào khác thuộc khối Liên hiệp Anh, với điều kiện người đó có quyền sinh sống tại Vương quốc Liên hiệp Anh; và bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn, hiệp hội hay thực thể nào khác có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Vương quốc Liên hiệp Anh;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là ông Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Vương quốc Liên hiệp Anh, là các Tổng Cục trưởng Tổng cục Thu Nội địa hay người đại diện được ủy quyền của các ông Tổng Cục trưởng này.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm các đối tượng là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ khi đối tượng đó có thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh từ các nguồn tại Nước đó.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 Điều này khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước ký kết mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước ký kết hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước ký kết hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1 Điều này, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình .

2/Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3/ Một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng hay lắp đặt sẽ trở thành cơ sở thường trú nếu thời gian hoạt động của địa điểm, công trình đó kéo dài quá 183 ngày.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp ;

b. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

c. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho việc tiến hành bất kỳ hoạt động nào có tính chất chuẩn bị hay phụ trợ cho xí nghiệp;

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho bất kì sự kết hợp nào của các hoạt động đã được nêu từ điểm (a) đến điểm (e) tại khoản này với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định bắt nguồn từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 Điều này - hoạt động thay mặt cho một xí nghiệp, có và thông thường thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đại diện cho xí nghiệp đó thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước đó đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ phi các hoạt động của đối tượng này được giới hạn trong các hoạt động ghi tại khoản 4 Điều này mà những hoạt động này nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo như các quy định tại khoản này.

6/ Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.

7/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động

kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

DIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Trong mọi trường hợp, thuật ngữ này sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, dàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về điền sản, quyền hưởng hoa lợi của bất động sản, và quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc thay đổi dưới dạng tiền công cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 Điều này sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 Điều này cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của xí nghiệp tại một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3 Điều này, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng,tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động của cơ sở thường trú này bao gồm cả phần phân bổ hợp lý chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phục vụ cho toàn bộ xí nghiệp phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4/ Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hoá hoặc tài sản cho xí nghiệp đó.

5/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó.

2/ Theo Điều này, lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ bao gồm cả:

a. thu nhập từ việc cho thuê tàu thủy hay máy bay trống;

và

b. lợi tức từ việc sử dụng, bảo dưỡng hoặc cho thuê các công-ten-nơ (kể cả khoang moóc và thiết bị kèm theo phục vụ cho việc vận chuyển công-ten-nơ) dùng để vận chuyển hàng hóa hay tài sản;

khi việc cho thuê hay sử dụng, bảo dưỡng hay cho thuê trên, tùy từng trường hợp, có tính chất phụ kèm theo hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế.

3/ Khi lợi tức nêu trong khoản 1 hay 2 Điều này do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế, thì các khoản lợi tức phân bổ cho xí nghiệp đó sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết nơi xí nghiệp đó là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

1/Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia;

hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia;

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và phải chịu thuế tương ứng.

2/Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của một xí nghiệp tại Nước đó và đánh thuế tương ứng các khoản lợi tức mà một xí nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện lập ra giữa các xí nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các qui định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng tiền lãi cổ phần và chịu thuế đánh vào lãi cổ phần ở Nước ký kết kia thì thuế khi đó phải nộp sẽ không vượt quá:

a. 7 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty, trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát ít nhất 50 phần trăm quyền bỏ phiếu tại công ty chia lãi cổ phần hay đầu tư tối thiểu 7 triệu Bảng Anh vào vốn cổ phần của công ty trả lãi cổ phần;

b. 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp tối thiểu 25 phần trăm nhưng dưới 50 phần trăm quyền bỏ phiếu tại công ty trả lãi cổ phần;

c. 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong mọi trường hợp khác.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác giống như thu nhập từ cổ phần theo luật thuế của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú và bao gồm bất kỳ khoản nào khác (trừ lãi tiền cho vay được miễn thuế theo Điều 11 của Hiệp định này) mà theo các luật của Nước ký kết nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú, được coi là tiền lãi cổ phần hay việc phân chia lợi nhuận của công ty.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và

quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng các khoản tiền lãi này và chịu thuế đối với số tiền lãi đó ở Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá 10 phần trăm của tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3/ Thuật ngữ "lãi tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của nhà nước và thu nhập từ công trái hoặc trái phiếu. Thuật ngữ "lãi tiền cho vay" sẽ không bao gồm bất kỳ khoản thu nhập nào được coi là tiền phân chia lợi tức theo Điều 10 của Hiệp định này.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi tiền vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi tiền cho vay được trả vượt quá, vì bất cứ lý do gì, khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

7/ Những quy định tại Điều này sẽ không áp dụng nếu mục đích chính hay một trong những mục đích chính của một đối tượng trong quá trình tạo ra hay chuyển nhượng một khoản vay nợ có số lãi tiền cho vay phải trả, là để lợi dụng Điều này bằng cách tạo ra hay chuyển nhượng khoản vay nợ đó.

8/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2 Điều này, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước đó nếu số tiền lãi này do Chính phủ của Nước ký kết kia hay cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hay bất kỳ cơ quan hay bất kỳ tổ chức nào của Chính phủ hoặc cơ quan chính quyền địa phương đó thu được và thực hưởng.

9/ Mặc dù đã có những qui định tại Điều 7 của Hiệp định này và khoản 2 Điều này, lãi tiền cho vay phát sinh tại Việt nam do một đối tượng cư trú tại Vương quốc Liên hiệp Anh nhận được và thực hưởng sẽ được miễn thuế tại Việt nam nếu số lãi tiền cho vay trên được thanh toán đối với khoản tiền vay, bảo lãnh hay bảo hiểm thông qua, hay bất kỳ khoản vay nợ hay tín dụng nào khác do Cơ quan Bảo lãnh Tín dụng Xuất khẩu của Vương quốc Liên hiệp Anh bảo lãnh hay bảo hiểm.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải chịu thuế ở tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo luật của Nước này, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia và phải nộp thuế tại Nước đó đối với số tiền bản quyền trên, thì mức thuế được tính, căn cứ vào sự thỏa thuận được ghi nhận trong các công hàm trao đổi giữa hai Nước ký kết khi ký Hiệp định này, sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền được trả.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kì dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh,nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho thông tin (bí quyết) liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương nghiệp hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy theo từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác khoản tiền bản quyền được trả đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vì bất cứ lý do gì vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

7/ Những quy định tại Điều này sẽ không áp dụng nếu mục đích chính hay một trong những mục đích chính của bất kỳ đối tượng nào liên quan đến việc tạo ra hay chuyển nhượng các quyền có số tiền bản quyền được trả nhằm lợi dụng Điều này bằng cách tạo ra hay chuyển nhượng các quyền trên.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu ở Điều 6 của Hiệp định này, và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng:

a. các cổ phần có giá trị hay phần giá trị lớn hơn trực tiếp hay gián tiếp từ bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, hay

b. quyền lợi trong tổ chức hùn vốn hay quỹ tín thác có tài sản chủ yếu gồm bất động sản nằm tại Nước ký kết kia hay gồm cổ phần như đề cập tại điểm (a) trên đây,

có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

3/ Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết này có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

4/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế, hoặc động sản liên quan đến hoạt động của những tàu thủy hay máy bay này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

5/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu ở khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi mà người chuyển nhượng là đối tượng cư trú, với điều kiện số lợi tức đó phải nộp thuế tại Nước ký kết đó.

6/ Những quy định tại khoản 5 của Điều này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của một Nước ký kết, căn cứ theo luật thuế tại nước mình, thu thuế đối với lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào của một cá nhân là đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia và cá nhân đó đã từng là đối tượng cư trú tại Nước ký kết thứ nhất vào bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn 5 năm ngay trước thời điểm chuyển nhượng tài sản.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động có tính chất độc lập khác sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi nếu đối tượng đó thường xuyên có một cơ sở cố định ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động của mình. Nếu đối tượng đó có một cơ sở cố định như vậy, thu nhập có thể phải nộp thuế tại Nước kia nhưng chỉ đối với phần thu nhập được phân bổ cho cơ sở cố định này.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ nha khoa và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18, 19 và 20 của Hiệp định này, các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 Điều này, tiền thù lao do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt ở Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng; và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia; và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế, sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước ký kết nơi xí nghiệp điều hành tàu thủy hay máy bay đó là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lạo cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc công ty là đối tượng cư trú của Nước kia có thể phải nộp thuế ở Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15 của Hiệp định này, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể phải nộp thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15 của Hiệp định này.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19 của Hiệp định này, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự được trả cho một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây và tiền bảo hiểm hưu hàng năm trả cho cá nhân đó sẽ chỉ chịu thuế ở Nước đó.

2/ Thuật ngữ "tiền bảo hiểm hưu hàng năm" có nghĩa là khoản tiền nhất định thanh toán định kỳ vào những thời điểm nhất định trong thời gian sống hay trong giai đoạn thời gian được quy định hoặc cam kết thể theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại được số tiền hay trị giá bằng tiền toàn bộ hay tương ứng.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ NHÀ NƯỚC

1/ a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Mặc dù đã có những quy định tại điểm (a) của khoản này, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) đã không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước này hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan này sẽ chỉ chịu thuế ở Nước này.

b. Mặc dù đã có những quy định tại điểm (a) của khoản này, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này vừa là đối tượng cư trú, và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của Điều 15, 16 và 18 của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN

Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến Nước ký kết này đang và đã là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, thì không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

ĐIỀU 21

THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thực hưởng, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, trừ thu nhập từ quỹ tín thác hay từ di sản của người quá cố phát sinh trong quá trình quản lý, sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6 của Hiệp định này, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền lợi hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy, những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 22

LOẠI BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Thể theo những quy định trong luật của Việt nam có hiệu lực trong từng thời điểm khác nhau liên quan đến việc cho phép khấu trừ vào số thuế Việt nam phần thuế đã nộp tại nước ngoài Việt nam (những quy định đó sẽ không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của Hiệp định này), số thuế đã nộp theo luật tại Vương quốc Liên hiệp Anh và phù hợp với Hiệp định này, cho dù nộp trực tiếp hay bằng cách khấu trừ, đối với thu nhập do một đối tượng là đối tượng cư trú của Việt nam thu được từ nguồn tại Vương quốc Liên hiệp Anh sẽ được phép khấu trừ vào số thuế nộp tại Việt nam tính trên thu nhập đó. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt nam được tính trên cùng nguồn thu nhập trước khi cho phép khấu trừ.

2/ Thể theo những quy định trong luật của Vương quốc Liên hiệp Anh về việc cho phép khấu trừ vào thuế của Vương quốc Liên hiệp Anh số thuế đã nộp tại vùng lãnh thổ nằm ngoài Vương quốc Liên hiệp Anh (quy định này sẽ không ảnh hưởng tới nguyên tắc chung của Hiệp định này):

a. số thuế Việt nam đã nộp theo các luật của Việt nam và phù hợp với Hiệp định này, cho dù nộp trực tiếp hay bằng cách khấu trừ, đối với các khoản lợi tức, thu nhập hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phải chịu thuế, phát sinh từ các nguồn tại Việt nam (trừ trường hợp tiền lãi cổ phần, thuế nộp tại Việt nam đối với khoản lợi tức dùng để trả tiền lãi cổ phần) sẽ được phép khấu trừ vào bất kỳ khoản thuế nào của Vương quốc Liên hiệp Anh được tính đối với cùng khoản lợi tức, thu nhập hay lợi tức chuyển nhượng phải chịu thuế mà căn cứ vào các nguồn thu nhập đó xác định được số thuế Việt nam;

b. trong trường hợp tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Vương quốc Liên hiệp Anh và công ty đó kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp tối thiểu 10 phần trăm quyền bỏ phiếu tại công ty trả tiền lãi cổ phần, việc khấu trừ sẽ xem xét tới (bổ sung thêm cho bất kỳ khoản thuế Việt nam nào đã được phép khấu trừ theo những quy định tại điểm (a) của khoản này) phần thuế Việt nam do công ty nộp đối với khoản lợi tức công ty đó dùng để chia tiền lãi cổ phần.

3/ Theo nội dung khoản 1 và 2 Điều này, lợi tức, thu nhập và lợi tức chuyển nhượng tài sản của một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có thể phải nộp thuế tại Nước ký kết kia theo Hiệp định này sẽ được coi là phát sinh từ nguồn tại Nước ký kết kia.

4/ Thể theo khoản 5 và 6 Điều này, theo nội dung của khoản 1 Điều này, thuật ngữ "thuế Việt nam phải nộp" sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào lẽ ra sẽ phải nộp với tính chất là thuế Việt nam trong bất kỳ năm nào nếu không được giảm hoặc miễn thuế trong năm đó, hay trong một phần thời gian của năm đó căn cứ vào bất kỳ qui định nào dưới đây của luật Việt nam :

a. các Điều 26, 27, 28, 32 hay 33 Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam năm 1987 và các qui định liên quan được sửa đổi , chừng nào những qui định đó có hiệu lực từ, và chưa được bổ sung kể từ ngày ký Hiệp định này, hoặc đã được bổ sung chỉ trong phạm vi nhỏ không ảnh hưởng đến tính chất chung của những quy định đó, và luôn luôn với điều kiện nhà chức trách có thẩm quyền của Việt nam đã xác nhận việc miễn hay giảm thuế Việt nam theo những Điều đó được áp dụng nhằm khuyến khích việc phát triển công nghiệp thương mại, khoa học, giáo dục hay hình thức phát triển khác tại Việt nam và nhà chức trách có thẩm quyền của Vương quốc Liên hiệp Anh đã chấp nhận việc miễn hay giảm đó được phục vụ cho những mục đích nêu trên; hay

b. bất kỳ quy định nào khác nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam, sau này có thể được ban hành, cho phép miễn hay giảm thuế Việt nam mà quy định đó đã được các nhà chức trách có thẩm quyền của cả hai Nước ký kết thống nhất là về cơ bản có tính chất tương tự, nếu quy định đó chưa được bổ sung sau đó hoặc chỉ được sửa đổi trong phạm vi nhỏ không ảnh hưởng tới tính chất chung của quy định đó, và luôn luôn phải được sự xác nhận và chấp thuận theo các bước quy định tại điểm (a) của khoản này.

5/ Việc miễn thuế của Vương quốc Liên hiệp Anh theo nội dung khoản 4 Điều này sẽ chỉ được áp dụng trong thời hạn 10 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

6/ Thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này có thể được kéo dài bằng sự thỏa thuận giữa hai Nước ký kết.

ĐIỀU 23

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức đánh thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức đánh thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức đánh thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự, với điều kiện nội dung khoản này sẽ không ngăn cản Nước ký kết kia đánh thuế đối với các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú tại Nước ký kết đó, của công ty là đối tượng cư trú tại Nước thứ nhất, với mức thuế bổ sung không vượt quá 10 phần trăm các khoản lợi tức đó . Hơn nữa, nội dung khoản này sẽ không áp dụng đối với hình thức thuế áp dụng cho các cơ sở thường trú tại Việt nam của các xí nghiệp Vương quốc Liên hiệp Anh tham gia trong lĩnh vực hoạt động khai thác hay sản xuất dầu khí hay tham gia trong các lĩnh vực hoạt động mà trong trường hợp các xí nghiệp Việt nam hiện chịu sự điều chỉnh theo Luật Thuế sử dụng đất Nông nghiệp.

3/ Trừ khi những qui định tại khoản 1 Điều 9, khoản 6 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12 của Hiệp định này được áp dụng, và căn cứ vào những quy định tại khoản 7 Điều 11 hay khoản 7 Điều 12 của Hiệp định này, lãi tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết kia sẽ được phép trừ vào chi phí để xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó theo cùng các điều kiện như là các khoản lãi tiền vay, tiền bản quyền trả cho đối tượng cư trú tại Nước thứ nhất.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức đánh thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức đánh thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức đánh thuế và những yêu cầu liên quan được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5/ Không có nội dung nào tại Điều này được giải thích là bắt buộc một trong các Nước ký kết phải cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú tại Nước ký kết đó được hưởng

bất kỳ suất miễn thu cho cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế như quy định cho các cá nhân là đối tượng cư trú tại Nước đó.

6/ Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 24

CÁC THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây.

ĐIỀU 25

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là, nhằm ngăn chặn việc trốn lậu và tạo điều kiện tổ chức thực hiện những quy định chống lại việc tránh thuế hợp pháp. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1 của Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán , thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 Điều này được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của từng Nước ký kết;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của từng Nước ký kết;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

DIỀU 26

CÁC THÀNH VIÊN CỦA NGOẠI GIAO ĐOÀN, PHÁI ĐOÀN THƯỜNG TRỰC VÀ CƠ QUAN LÃNH SỰ

Những nội dung trong Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế được thỏa thuận dành cho các thành viên phái đoàn ngoại giao hoặc phái đoàn thường trực hoặc cơ quan lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

DIỀU 27

ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC

Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia thông qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước mình để làm cho Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng và sẽ được áp dụng:

a. tại Việt nam :

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại gốc, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác thu trên thu nhập, lợi tức, hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực;

b. tại Vương quốc Liên hiệp Anh:

(i) đối với thuế thu nhập và thuế lợi tức chuyển nhượng tài sản, cho bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu từ ngày 6 tháng 4 của năm dương lịch sau năm Hiệp định có hiệu lực;

(ii) đối với thuế công ty, cho bất kỳ năm tài chính nào bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 của năm dương lịch sau năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 28

ĐIỀU KHOẢN KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Mỗi Nước ký kết thông qua con đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. tại Việt nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại gốc, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

b. tại Vương quốc Liên hiệp Anh:

(i) đối với thuế thu nhập và thuế lợi tức chuyển nhượng tài sản, cho bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu từ ngày 6 tháng 4 của năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

(ii) đối với thuế công ty, cho bất kỳ năm tài chính nào bắt đầu kể từ ngày 1 tháng 4 của năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới dây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà nội, ngày 9 tháng 4 năm 1994, mỗi bản gồm các thứ tiếng Việt và tiếng Anh, cả hai văn bản đều có giá trị ngang nhau.

TM.CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

HỒ TẾ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

TM. CHÍNH PHỦ

VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH

VÀ BẮC AILEN

ALASTAIR GOODLAD

QUỐC VỤ KHANH BỘ NGOẠI GIAO

TRAO ĐỔI CÔNG HÀM

Hà nội, ngày 9 tháng 4 năm 1994

Ngài ALASTAIR GOODLAD
Quốc Vụ Khanh Bộ Ngoại giao
Luân đôn

Thưa Ngài,

Tôi xin hân hạnh đề cập tới bản Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và lợi tức từ chuyển nhượng tài sản được ký kết ngày hôm nay và thay mặt cho Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam xin dự thảo nội dung sau:

Liên quan đến Điều 12

Nếu trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Việt nam ký kết một Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với bất kỳ một Nước thành viên nào khác thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và theo những quy định tại bản Hiệp định đó Việt nam có thể thu thuế đối với tiền bản quyền phát sinh tại Việt nam và trả cho một đối tượng cư trú tại Nước kia song số thuế được tính không vượt quá một tỷ lệ so với tổng số tiền bản quyền ở mức thấp hơn tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 12, lúc đó:

khi tỷ lệ thấp hơn đó áp dụng, căn cứ vào cùng những trường hợp ngoại lệ được quy định tại Điều 12, đối với thu nhập cùng loại như thu nhập áp dụng theo khoản 2 Điều 12, tỷ lệ thấp hơn đó sẽ được thay thế tỷ lệ được ghi tại khoản 2 Điều 12 với hiệu lực từ ngày ban hành Hiệp định đó hay ngày ban hành Hiệp định này, bất kể thời điểm nào diễn ra sau.

Liên quan đến Điều 22

Nếu trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Việt nam ban hành thuế khấu trừ đối với tiền lãi cổ phần hay lãi tiền cho vay trong đó có quy định cho miễn hay giảm thuế Việt nam mà nhà chức trách có thẩm quyền của Vương quốc Liên hiệp Anh coi đó là quy định nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam thì quy định đó sẽ được coi là có tính chất về căn bản tương tự với nội dung theo nghĩa của điểm 4 (b) Điều 22.

Liên quan đến Điều 23

Trong thời gian Việt nam vẫn tiếp tục cấp giấy phép cho nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam, trong đó quy định chi tiết hình thức thuế nhà đầu tư phải nộp thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là hành động vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23.

Nếu những nội dung dự thảo trên được Chính phủ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len chấp nhận tôi rất hân hạnh đề nghị Công hàm này và bản Công hàm trả lời của Ngài theo nội dung đó sẽ được coi là hình thành một thỏa thuận giữa hai Chính phủ về vấn đề này.

Nhân dịp này tôi xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

TM. CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

HỒ TẾ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Luân đôn, ngày 9 tháng 4 năm 1994

Ngài HỒ TẾ
Bộ trưởng Bộ Tài chính
8 Phan Huy Chú-Hà nội

Thưa Ngài,

Tôi đã nhận được Công hàm ghi ngày 9 tháng 4 năm 1994 trong đó ghi nội dung như sau:

"Tôi xin hân hạnh đề cập tới bản Hiệp định giữa Chính phủ nước cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và lợi tức từ chuyển nhượng tài sản được ký kết ngày hôm nay và thay mặt cho Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam xin dự thảo nội dung sau:

Liên quan đến Điều 12

Nếu trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Việt nam ký kết một Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với bất kỳ một Nước thành viên nào khác thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và theo những quy định tại bản Hiệp định đó Việt nam có thể thu thuế đối với tiền bản quyền phát sinh tại Việt nam và trả cho một đối tượng cư trú tại Nước kia song số thuế được tính không vượt quá một tỷ lệ so với tổng số tiền bản quyền ở mức thấp hơn tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 12, lúc đó:

khi tỷ lệ thấp hơn đó áp dụng, căn cứ vào cùng những trường hợp ngoại lệ được quy định tại Điều 12, đối với thu nhập cùng loại như thu nhập áp dụng theo khoản 2 Điều 12, tỷ lệ thấp hơn đó sẽ được thay thế tỷ lệ được ghi tại khoản 2 Điều 12 với hiệu lực từ ngày ban hành Hiệp định đó hay ngày ban hành Hiệp định này, bất kể thời điểm nào diễn ra sau.

Liên quan đến Điều 22

Nếu trước hay sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Việt nam ban hành thuế khấu trừ đối với tiền lãi cổ phần hay lãi tiền cho vay trong đó có quy định cho miễn hay giảm thuế Việt nam mà nhà chức trách có thẩm quyền của Vương quốc Liên hiệp Anh coi đó là quy định nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam thì quy định đó sẽ được coi là có tính chất về căn bản tương tự với nội dung theo nghĩa của điểm 4 (b) Điều 22.

Liên quan đến Điều 23

Trong thời gian Việt nam vẫn tiếp tục cấp giấy phép cho nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam, trong đó quy định chi tiết hình thức thuế nhà đầu tư phải nộp thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là hành động vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23".

Nội dung dự thảo trên được Chính phủ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len chấp nhận và tôi xin hân hạnh xác nhận Công hàm của phía Ngài và Công hàm trả lời này sẽ được coi là hình thành một thỏa thuận giữa hai Chính phủ về vấn đề này và thỏa thuận đó sẽ có hiệu lực cùng vào thời điểm ban hành hiệu lực của bản Hiệp định này.

Nhân dịp này tôi xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

TM. CHÍNH PHỦ

VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH

VÀ BẮC AI LEN

ALASTAIR GOODLAD

QUỐC VỤ KHANH BỘ NGOẠI GIAO

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF

THE UNITED KINGDOM OF GREAT BRITAIN AND NORTHERN IRELAND

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME AND CAPITAL GAINS

(88)

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland;

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income and capital gains;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
Personal scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2
Taxes covered

1 This Agreement shall apply to taxes on income and on capital gains imposed on behalf of a Contracting State irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income and on capital gains all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amount of wages or salaries paid by enterprises as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

(a) in Vietnam:

(i) the income tax;

(ii) the profits tax;

(iii) the profit remittance tax;

(iv) the foreign petroleum sub-contractor tax;

(v) the foreign contractor tax;

(hereinafter referred to as "Vietnamese tax").

(b) in the United Kingdom:

(i) the income tax;

(ii) the corporation tax; and

(iii) the capital gains tax;

(hereinafter referred to as "United Kingdom tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed by either Contracting State after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of any substantial changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3
General definitions

(1) For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial sea and any area beyond its territorial sea, within which Vietnam, in accordance with international law, has sovereign rights of exploration for and exploitation of natural resources of the sea bed and its sub-soil and superjacent water mass;

(b) the term "United Kingdom" means Great Britain and Northern Ireland, including any area outside the territorial sea of the United Kingdom which in accordance with international law has been or may hereafter be designated, as an area within which the rights of the United Kingdom with respect to the sea bed and sub-soil and their natural resources may be exercised;

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean the United Kingdom or Vietnam, as the context requires;

(d) the term "person" includes an individual, a company and any body of persons, but does not include a partnership;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "national" means:

(i) in relation to Vietnam any individual possessing the nationality of Vietnam and any legal person, partnership and association deriving their status as such from the laws in force in Vietnam;

(i) in relation to the United Kingdom, any British citizen, or any British subject not possessing the citizenship of any other Commonwealth country or territory, provided he has the right of abode in the United Kingdom; and any legal person, partnership, association or other entity deriving its status as such from the laws in force in the United Kingdom;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorised representative; and

(ii) in the case of the United Kingdom, the Commissioners of Inland Revenue or their authorised representative .

(2) As regards the application of the Agreement by a Contracting State any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that Contracting State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4
Resident

(1) For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management or any other criterion of a similar nature. But this term does not include any person who is liable to tax in that Contracting State only if he derives income or capital gains from sources therein.

(2) Where by reason of the provisions of paragraph (1) of this Article an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which he has a permanent home available to him. If he has a permanent home available to him in both Contracting States, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the Contracting State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either Contracting State, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both Contracting States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State of which he is a national;

(d) if he is a national of both Contracting States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

(3) Where by reason of the provisions of paragraph (1) of this Article a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which its place of effective management is situated.

ARTICLE 5
Permanent establishment

(1) For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

(2) The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;

(b) a branch;

(c) an office;

(d) a factory;

(e) a workshop;

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.

(3) A building site or construction or installation project constitutes a permanent establishment only if it lasts more than 183 days.

(4) Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise, or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e) of this paragraph, provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

(5) Notwithstanding the provisions of paragraphs (1) and (2) of this Article,where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph (6) of this Article applies - is acting on behalf of an enterprise and has, and habitually exercises, in a Contracting State an authority to conclude contracts on behalf of the enterprise, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in that Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph (4) of this Article which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.

(6) An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business.

(7) The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6
Income from immovable property

(1) Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

(2) The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated.The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

(3) The provisions of paragraph (1) of this Article shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

(4) The provisions of paragraphs (1) and (3) of this Article shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7
Business profits

(1) The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein.If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.

(2) Subject to the provisions of paragraph (3) of this Article, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

(3) In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the permanent establishment, including a reasonable allocation of executive and general administrative expenses incurred for the purposes of the enterprise as a whole, whether in the Contracting State in which the permanent establishment is situated or elsewhere.

(4) No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

(5) Where profits include items of income or capital gains which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8
Shipping and air transport

(1) Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that State.

(2) For the purposes of this Article, profits from the operation of ships or aircraft in international traffic include:

(a) income from the rental on a bareboat basis of ships or aircraft;

and

(b) profits from the use, maintenance or rental of containers (including trailers and related equipment for the transport of containers) used for the transport of goods or merchandise;

where such rental or such use, maintenance or rental, as the case may be, is incidental to the operation of ships or aircraft in international traffic.

(3) Where profits within paragraphs (1) or (2) of this Article are derived by an enterprise of a Contracting State from participation in a pool, a joint business or an international operating agency, the profits attributable to that enterprise shall be taxable only in the Contracting State of which it is a resident.

ARTICLE 9
Associated enterprises

(1) Where:

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State;

or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State;

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, may be included by a Contracting State in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

(2) Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits.In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall if necessary consult each other.

ARTICLE 10
Dividends

(1) Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

(2) However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends and subject to tax in respect of the dividends in that other Contracting State the tax so charged shall not exceed:

(a) 7 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which controls, directly or indirectly, at least 50 per cent of the voting power in the company paying the dividends or has invested at least £7 million in the share capital of the company paying the dividends;

(b) 10 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which controls, directly or indirectly, at least 25 per cent but less than 50 per cent of the voting power in the company paying the dividends;

(c) 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

(3) The term "dividends" as used in this Article means income from shares, or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights assimilated to income from shares by the taxation laws of the State of which the company making the distribution is a resident and also includes any other item (other than interest relieved from tax under Article 11 of this Agreement) which, under the laws of the Contracting State of which the company paying the dividend is a resident, is treated as a dividend or distribution of a company.

(4) The provisions of paragraphs (1) and (2) of this Article shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14 of this Agreement, as the case may be, shall apply.

(5) Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in that other State.

ARTICLE 11
Interest

(1) Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

(2) However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest and subject to tax in respect of the interest in that other Contracting State the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

(3) The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage and whether or not carrying a right to participate in the debtors profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures. The term "interest" shall not include any item which is treated as a distribution under Article 10 of this Agreement.

(4) The provisions of paragraphs (1) and (2) of this Article shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14 of this Agreement, as the case may be, shall apply.

(5) Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

(6) Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount of interest. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

(7) The provisions of this Article shall not apply if it was the main purpose or one of the main purposes of any person concerned with the creation or assignment of the debt-claim in respect of which the interest is paid to take advantage of this Article by means of that creation or assignment.

(8) Notwithstanding the provisions of paragraph (2) of this Article, interest arising in a Contracting State shall be exempt from tax in that State if it is derived and beneficially owned by the Government of the other Contracting State or a local authority thereof or any agency or instrumentality of that Government or local authority.

(9) Notwithstanding the provisions of Article 7 of this Agreement and of paragraph (2) of this Article, interest arising in Vietnam which is paid to and beneficially owned by a resident of the United Kingdom shall be exempt from tax in Vietnam if it is paid in respect of a loan made, guaranteed or insured, or any other debt-claim or credit guaranteed or insured by the United Kingdom Export Credits Guarantee Department.

ARTICLE 12
Royalties

(1) Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

(2) However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that Contracting State, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State and subject to tax in respect of the royalties in that State, the tax so charged, subject to the understanding recorded in the Exchange of Notes between the Contracting States when this Agreement was signed, shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the royalties.

(3) The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for information (know-how) concerning industrial, commercial or scientific experience.

(4) The provisions of paragraphs (1) and (2)of this Article shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14 of this Agreement, as the case may be, shall apply.

(5) Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, or a local authority thereof, or a resident of that State. Where,however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

(6) Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right, or information for which they are paid, exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount of royalties. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

(7) The provisions of this Article shall not apply if it was the main purpose or one of the main purposes of any person concerned with the creation or assignment of the rights in respect of which the royalties are paid to take advantage of this Article by means of that creation or assignment.

ARTICLE 13
Capital gains

(1)Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 of this Agreement and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

(2)Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of:

(a) shares deriving their value or the greater part of their value directly or indirectly from immovable property situated in the other Contracting State, or

(b) an interest in a partnership or trust the assets of which consist principally of immovable property situated in the other Contracting State, or of shares referred to in sub-paragraph (a) above,

may be taxed in that other State.

(3)Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

(4)Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft , shall be taxable only in that Contracting State.

(5)Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs (1), (2), (3) and (4) of this Article shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident provided that those gains are subject to tax in that Contracting State.

(6)The provisions of paragraph (5) of this Article shall not affect the right of a Contracting State to levy according to its law a tax on capital gains from the alienation of any property derived by an individual who is a resident of the other Contracting State and has been a resident of the first-mentioned Contracting State at any time during the five years immediately preceding the alienation of the property.

ARTICLE 14
Independent personal services

(1) Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State unless he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities. If he has such a fixed base, the income may be taxed in the other State but only so much of it as is attributable to that fixed base.

(2) The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15
Dependent personal services

(1) Subject to the provisions of Articles 16, 18 ,19 and 20 of this Agreement, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

(2) Notwithstanding the provisions of paragraph (1) of this Article, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days within any period of twelve months; and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State; and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

(3) Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic may be taxed in the Contracting State of which the enterprise operating the ship or aircraft is a resident.

ARTICLE 16
Directors fees

Directors fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 17
Artistes and sportsmen

(1) Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15 of this Agreement, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

(2) Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15 of this Agreement, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

ARTICLE 18
Pensions

(1) Subject to the provisions of paragraph (2) of Article 19 of this Agreement, pensions and other similar remuneration paid in consideration of past employment to an individual resident of a Contracting State and any annuity paid to such an individual resident shall be taxable only in that State.

(2) The term "annuity" means a stated sum payable periodically at stated times during life or during a specified or ascertainable period of time under an obligation to make the payments in return for adequate and full consideration in money or money's worth.

ARTICLE 19
Government service

(1) (a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) Notwithstanding the provisions of sub-paragraph (a) of this paragraph, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or

(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

(2) (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) Notwithstanding the provisions of sub-paragraph (a) of this paragraph, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of and a national of that State.

(3) The provisions of Articles 15, 16 and 18 of this Agreement shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 20
Students

Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that first-mentioned State, provided that such payments arise from sources outside that State.

ARTICLE 21
Other income

(1) Items of income beneficially owned by a resident of a Contracting State, wherever arising, which are not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement, other than income paid out of trusts or the estates of deceased persons in the course of administration, shall be taxable only in that State.

(2) The provisions of paragraph (1) of this Article shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph (2) of Article 6 of this Agreement, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 22
Elimination of double taxation

(1) Subject to the provisions of the law of Vietnam from time to time in force which relate to the allowance of a credit against Vietnamese tax of tax paid in a country outside Vietnam (which shall not affect the general principle of this Article), tax paid under the law of the United Kingdom and in accordance with this Agreement, whether directly or by deduction, in respect of income derived by a person who is a resident of Vietnam from sources in the United Kingdom shall be allowed as a credit against Vietnamese tax payable in respect of that income. The credit shall not,however, exceed the Vietnamese tax as computed by reference to the same income before the credit is given.

(2) Subject to the provisions of the law of the United Kingdom regarding the allowance as a credit against United Kingdom tax of tax payable in a territory outside the United Kingdom (which shall not affect the general principle hereof):

(a) Vietnamese tax payable under the laws of Vietnam and in accordance with this Agreement, whether directly or by deduction, on profits, income or chargeable gains from sources within Vietnam (excluding in the case of a dividend, tax payable in Vietnam in respect of the profits out of which the dividend is paid) shall be allowed as a credit against any United Kingdom tax computed by reference to the same profits , income or chargeable gains by reference to which the Vietnamese tax is computed;

(b) in the case of a dividend paid by a company which is a resident of Vietnam to a company which is a resident of the United Kingdom and which controls directly or indirectly at least 10 per cent of the voting power in the company paying the dividend, the credit shall take into account (in addition to any Vietnamese tax for which credit may be allowed under the provisions of sub-paragraph (a) of this paragraph) the Vietnamese tax payable by the company in respect of the profits out of which such dividend is paid.

(3) For the purposes of paragraphs (1) and (2) of this Article, profits, income and capital gains owned by a resident of a Contracting State which may be taxed in the other Contracting State in accordance with this Agreement shall be deemed to arise from sources in that other Contracting State.

(4) Subject to paragraphs (5) and (6) of this Article, for the purpose of paragraph (1) of this Article, the term "Vietnamese tax payable" shall be deemed to include any amount which would have been payable as Vietnamese tax for any year but for an exemption or reduction of tax granted for that year or any part thereof under any of the following provisions of Vietnamese law:

(a) Articles 26, 27, 28, 32 or 33 of the Law on Foreign Investment in Vietnam 1987 and connected regulations as amended, so far as they were in force on, and have not been modified since, the date of signature of this Agreement, or have been modified only in minor respects so as not to affect their general character: and provided always that the competent authority of Vietnam has certified that any such exemption from or reduction of Vietnamese tax given under these Articles has been granted in order to promote industrial, commercial, scientific, educational or other development in Vietnam and the competent authority of the United Kingdom has accepted that such exemption or reduction has been granted for such purpose; or

(b) any other provision to promote economic development in Vietnam, which may subsequently be introduced, granting exemption from or reduction of Vietnamese tax which is agreed by the competent authorities of the Contracting States to be of a substantially similar character, if it has not been modified thereafter or has been modified only in minor respects so as not to affect its general character: and subject always to certification and acceptance having taken place as provided for in sub-paragraph (a) of this paragraph.

(5) Relief from United Kingdom tax by virtue of paragraph (4) of this Article shall be given for a period of ten years only, beginning with the date on which this Agreement entered into force.

(6) The period referred to in paragraph (5) of this Article may be extended by agreement between the Contracting States.

ARTICLE 23
Non-discrimination

(1) Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith, which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

(2) The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities, provided that this paragraph shall not prevent that other Contracting State from imposing on the profits attributable to a permanent establishment in that Contracting State of a company which is a resident of the first mentioned Contracting State further tax not exceeding 10% of those profits. Moreover this paragraph shall not apply to the taxation of permanent establishments in Vietnam of United Kingdom enterprises in respect of oil exploration or production activities or in respect of activities which in the case of Vietnamese enterprises are subject to tax under the Law on Agricultural Land-Use Tax.

(3) Except where the provisions of paragraph (1) of Article 9, paragraph (6) of Article 11 or paragraph (6) of Article 12 of this Agreement apply, and subject to the provisions of paragraph (7) of Article 11 or paragraph (7) of Article 12 of this Agreement, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State.

(4) Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

(5) Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in that State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.

(6) The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

ARTICLE 24
Mutual agreement procedure

(1) Where a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident.

(2) The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement.

(3) The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement.

(4) The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

ARTICLE 25
Exchange of information

(1) The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by this Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to this Agreement , in particular, to prevent fraud and to facilitate the administration of statutory provisions against legal avoidance. The exchange of information is not restricted by Article 1 of this Agreement. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by this Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

(2) In no case shall the provisions of paragraph (1) of this Article be construed so as to impose on the competent authority of either Contracting State the obligation:

(a) to carry out administrative measures at variance with the law and administrative practice prevailing in either Contracting State;

(b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of either Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business,industrial, commercial or professional secret or trade process, or information the disclosure of which would be contrary to public policy.

ARTICLE 26
Members of diplomatic or permanent missions and consular posts

Nothing in this Agreement shall affect any fiscal privileges accorded to members of diplomatic or permanent missions or consular posts under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 27
Entry into force

Each of the Contracting States shall notify to the other through the diplomatic channel the completion of the procedures required by its law for the bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications and shall thereupon have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the Agreement enters into force;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year in which the Agreement enters into force;

(b) in the United Kingdom:

(i) in respect of income tax and capital gains tax ,for any year of assessment beginning on or after 6 April in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force;

(ii) in respect of corporation tax, for any financial year beginning on or after 1 April in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force.

ARTICLE 28
Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting States. Either Contracting State may terminate the Agreement, through the diplomatic channel, by giving notice of termination at least six months before the end of any calendar year beginning after the expiry of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event, the Agreement shall cease to have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts paid on or after 1 January following the calendar year in which the notice is given;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year in which the notice is given;

(b) in the United Kingdom:

(i) in respect of income tax and capital gains tax, for any year of assessment beginning on or after 6 April in the calendar year next following that in which the notice is given;

(ii) in respect of corporation tax, for any financial year beginning on or after 1 April in the calendar year next following that in which the notice is given.

In witness whereof the undersigned, duly authorised thereto by their respective governments have signed this Agreement.

Done in duplicate at Hanoi this 9th day of April 1994 in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authoritative.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM

HO TE
MINISTER OF FINANCE

FOR THE GOVERNMENT OF
THE UNITED KINGDOM OF GREAT BRITAIN
AND NORTHERN IRELAND

ALASTAIR GOODLAD
MINISTER OF STATE FOR
FOREIGN AND COMMONWEALTH AFFAIRS

His Excellency Mr Ho Te
Minister of Finance
8 Phan Huy Chu
Hanoi

9 April 1994

Excellency,

I am in receipt of your Note dated 9 April which states as follows:

"I have the honour to refer to the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income and Capital Gains which has been signed today and to propose on behalf of the Government of the Socialist Republic of Vietnam:

in relation to Article 12

If, before or after the entry into force of this Agreement, Vietnam concludes an Agreement for the avoidance of double taxation with any other member State of the Organisation for Economic Cooperation and Development and, under the provisions of that Agreement Vietnam may tax royalties arising in Vietnam and paid to a resident of that State but the tax charged is not to exceed a lower percentage of the gross royalties than that specified in paragraph (2) of Article 12, then:

where that lower percentage applies, subject to the same exceptions as are provided in Article 12, to income of the same description as that to which paragraph (2) of Article 12 applies, the lower percentage shall be substituted for that specified in paragraph (2) of Article 12 with effect from the date of entry into force of that Agreement or of this Agreement, whichever is the later;

in relation to Article 22

If, before or after the entry into force of this Agreement, Vietnam introduces a withholding tax on dividends or interest that the United Kingdom competent authority will undertake that a provision to promote economic development in Vietnam which grants an exemption from or reduction of that Vietnamese tax will fall to be considered as of a substantially similar character within the meaning of paragraph (4)(b) of Article 22;

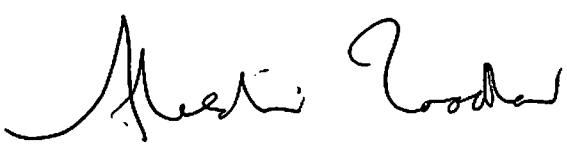
in relation to Article 23

For so long as Vietnam continues to grant to investors licences under the Law of Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subject, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraph (2) of Article 23."

The foregoing proposals being acceptable to the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland, I have the honour to confirm that Your Excellency's Note and this Reply shall be regarded as constituting an agreement between the two Governments in this matter which shall enter into force at the same time as the entry into force of the Agreement.

I take this opportunity to renew to Your Excellency the assurances of my highest consideration.

For the Government of the
United Kingdom of Great Britain
and Northern Ireland



Alastair Goodlad
Minister of State for Foreign and Commonwealth Affairs

EXCHANGE OF NOTES

Mr Alastair Goodlad
Minister of State for Foreign and Commonwealth Affairs
Foreign and Commonwealth Office
LONDON

9 April 1994

Excellency,

I have the honour to refer to the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income and Capital Gains which has been signed today and to propose on behalf of the Government of the Socialist Republic of Vietnam:

in relation to Article 12

If, before or after the entry into force of this Agreement, Vietnam concludes an Agreement for the Avoidance of double taxation with any other member State of the Organisation for Economic Cooperation and Development and, under the provisions of that Agreement Vietnam may tax royalties arising in Vietnam and paid to a resident of that State but the tax charged is not to exceed a lower percentage of the gross royalties than that specified in paragraph (2) of Article 12, then:

where that lower percentage applies, subject to the same exceptions as are provided in Article 12, to income of the same description as that to which paragraph (2) of Article 12 applies, the lower percentage shall be substituted for that specified in paragraph (2) of Article 12 with effect from the date of entry into force of that Agreement or of this Agreement, whichever is the later;

in relation to Article 22

If, before or after the entry into force of this Agreement, Vietnam introduces a withholding tax on dividends or interest that the United Kingdom competent authority will undertake that a provision to promote economic development in Vietnam which grants an exemption from or reduction of that Vietnamese tax will fall to be considered as of a substantially similar character within the meaning of paragraph (4)(b) of Article 22;

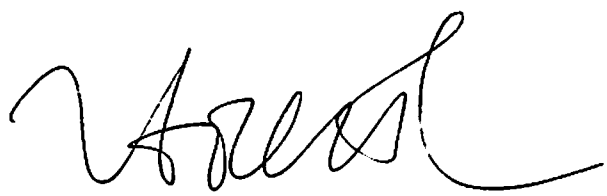
in relation to Article 23

For so long as Vietnam continues to grant to investors licences under the Law on Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subject, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraph (2) of Article 23.

If the foregoing proposals are acceptable to the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland I have the honour to suggest that the present Note and Your Excellency's reply to that effect should be regarded as constituting an agreement between the two Governments in this matter.

I take this opportunity to renew to your Excellency the assurances of my highest consideration.

FOR THE GOVERNMENT
OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



HO TE
MINISTER OF FINANCE